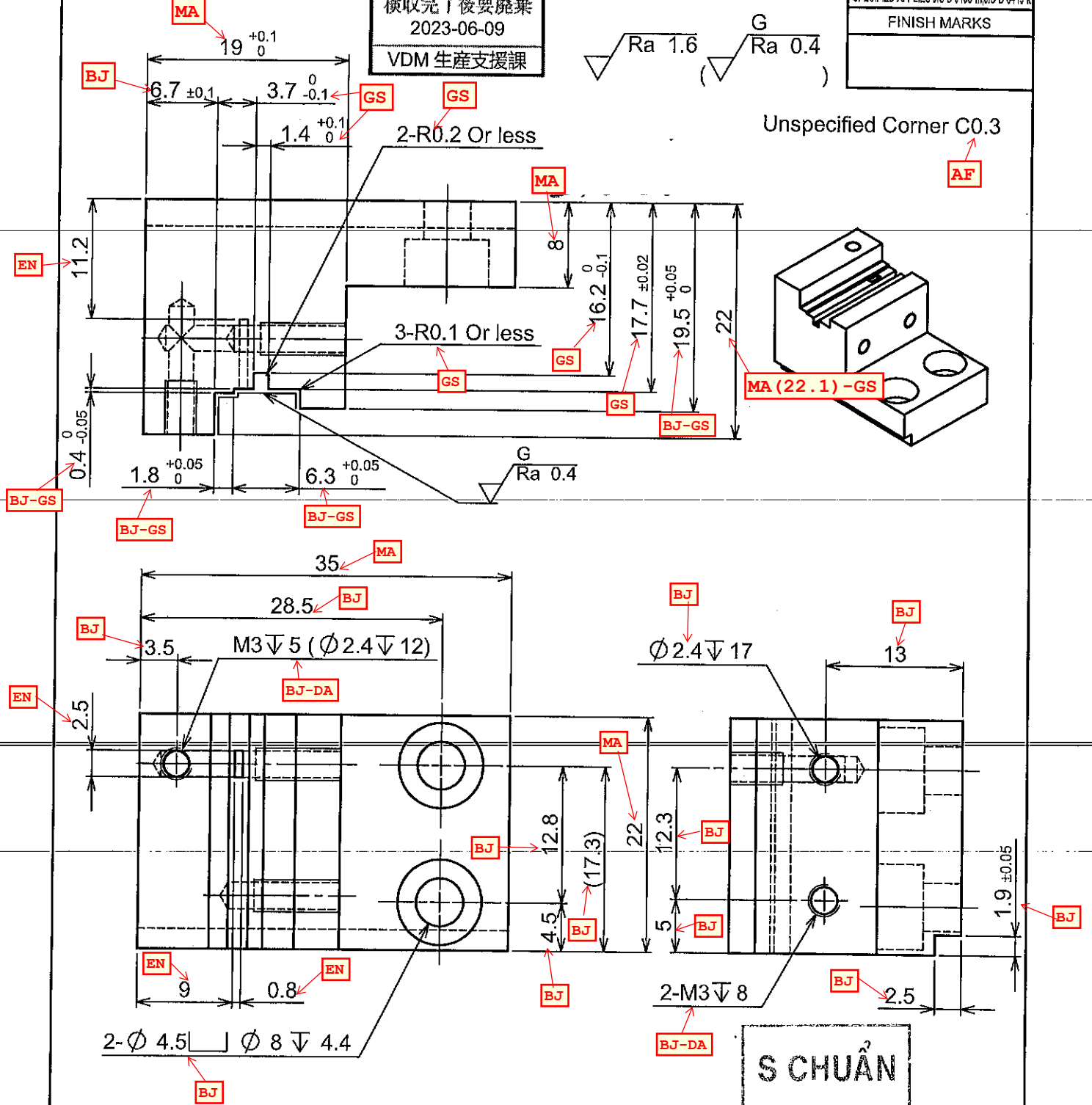


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2022/02/18	New production	DVB-0620	Vu_Thi_Tuyen	Diep_Tien_Dung	Ha_Ngoc_Tien	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△							6 < , ≤ 30 ± 0.2
△							30 < , ≤ 120 ± 0.3
△							120 < , ≤ 400 ± 0.5

出図
製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-09
VDM 生産支援課

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m/JIS B 0419-k
FINISH MARKS



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Ha_Ngoc_Tien	SKD11	2:1	部品図 PART DRAWING	レール RAIL
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品圖 部品图	軌道 轨道
Diep_Tien_Dung		A4	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER		2022/02/18	R448529
Diep_Tien_Dung	HRC 58°~62°			

SNO: **R448529**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T22*27*40	AA:20 MA:30 BJ:60 DA:20 HT:40 GS:90 EN:120 AF:20